

Số: 54/2026/QĐST-HNGĐ

Thái Nguyên, ngày 01 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 80/2026/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 6 năm 2026 giữa:

-Nguyên đơn: Chị Hà Thị Hồng T, sinh năm 1987. CCCD số 006187000827;

-Bị đơn: Anh Triệu Thành C, sinh năm 1987. CC số 006087000715;

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã P, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 và khoản 3 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị Hồng T và anh Triệu Thành C.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị Hồng T và anh Triệu Thành C thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Hà Thị Hồng T và anh Triệu Thành C có một con chung là Triệu Anh K, sinh ngày 23/11/2011 (khỏe mạnh phát triển bình thường). Ly hôn giao con chung cho cho anh T1 Thành Công là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Hà Thị Hồng T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Hà Thị Hồng T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) mỗi tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 7/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến

khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.3. *Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. *Về vay nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. *Về án phí:* Áp dụng khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Hà Thị Hồng T tự nguyện chịu 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Được trừ vào số tiền 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0002727 ngày 22 tháng 6 năm 2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 7;
- Đương sự;
- UBND xã Cẩm Giàng (Nơi ĐKKH);
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu HSVA;
- Lưu VP;

THẨM PHÁN

Nguyễn Duy Cạn